

Bản án số: **12/2017/HNGĐ - ST**

Ngày 07 tháng 8 năm 2017

“*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Vũ Xuân Dự

2. Ông Vũ Kim Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện K - tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐST – DS ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: xóm 12, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng G, sinh năm 1976; Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 12, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện có mặt chị V, vắng mặt anh G tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 03/5/2017, chị Trần Thị V là nguyên đơn trình bày: chị và anh Phạm Hồng G kết hôn với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H là quê của anh G. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, anh G không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, nhiều lần chị và gia đình khuyên bảo nhưng anh G không nghe, còn chửi mắng chị, vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi công việc của gia đình, đã nhiều lần sống ly thân nhưng vì nghĩ đến con cái và mong anh G thay đổi, được mọi người khuyên giải nên chị quay lại chung sống cùng anh G, tuy nhiên anh G vẫn chứng nào tật đấy, không hề thay đổi. Do cuộc sống không có hạnh phúc và không thể chịu đựng được nên từ tháng 8 năm 2016 đến nay chị về sống cùng bố mẹ đẻ ở xã K, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G để ổn định cuộc sống.

Về con cái: chị xác định vợ chồng có hai người con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 09/10/2008 và Phạm Thị Diệp C, sinh ngày 08/4/2010, hiện các cháu đang ở

cùng anh G và đang học tại trường tiểu học xã H. Khi ly hôn chị nhường quyền nuôi con cho anh G và nhận trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh G mỗi cháu 700.000đ/tháng (cả hai con là 1.400.000đ/ tháng) kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên vì chị không muốn làm xáo trộn cuộc sống và học tập của các cháu.

Về tài sản: chị xác định vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Phạm Hồng G là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh G không có mặt để làm việc. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương xã H đến gặp anh G tại gia đình để lấy lời khai, anh G chỉ trình bày ý kiến mà không ký biên bản, tuy nhiên qua ý kiến của mình anh G xác định anh đã nhận được thông báo của Tòa án về việc chị V xin ly hôn anh nhưng anh không đồng ý đến Tòa án làm việc mà đề nghị Tòa án cứ việc giải quyết ly hôn theo đơn đề nghị của chị V, anh không tham gia phiên hòa giải và xét xử nên Tòa án cứ giải quyết vắng mặt anh. Về con cái anh xác định vợ chồng có hai người con chung như chị V trình bày đồng thời đề nghị khi ly hôn anh nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị V đóng góp tiền nuôi con cho anh; Về tài sản anh xác định vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu giải quyết. Các cháu Phạm Thị Yến N và Phạm Thị Diệp C qua ý kiến trình bày đều có nguyện vọng được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K qua bài phát biểu tại phiên tòa thể hiện Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, đồng thời đề xuất việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề xuất xử ly hôn giữa chị V với anh G; con chung chưa thành niên của vợ chồng được giao cho người vợ hoặc chồng trực tiếp nuôi dưỡng và việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

Chị Trần Thị V và anh Phạm Hồng G kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã H là quê của anh G. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh G không tu trí làm ăn, thường hay tụ tập bạn bè chơi bời, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và họ đã nhiều lần sống ly thân sau đó được mọi người khuyên giải lại quay về đoàn tụ nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện, họ tiếp tục sống ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm đến nhau. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh G để ổn định cuộc sống, còn anh G mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh tỏ thái độ bỏ mặc, không hợp tác vì vậy Tòa án cũng không

tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị V anh G đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V với anh G là phù hợp.

Về quan hệ con cái: vợ chồng có hai người con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 09/10/2008 và Phạm Thị Diệp C, sinh ngày 08/4/2010, hiện các cháu đang ở cùng anh G và đang học tại trường tiểu học xã H. Khi giải quyết ly hôn, HĐXX nhận thấy, anh G đề nghị được nuôi cả hai con chung và chị V cũng đồng ý; các cháu N và C cũng có nguyện vọng được ở với bố để thuận tiện cho cuộc sống và việc học tập, do đó cần giao anh G nuôi cả hai người con chung của vợ chồng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, mặc dù anh G không yêu cầu chị V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nhưng do anh G không hợp tác làm việc nên không cung cấp được chứng cứ chứng minh về điều kiện thu nhập của anh có đảm bảo việc nuôi dưỡng các con mà không cần sự đóng góp của chị V hay không, trong khi đó chị V lại đề nghị nhận trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cho anh G mỗi cháu 700.000đ/tháng (cả hai cháu là 1.400.000đ/tháng) tính từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên, vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho những người con chưa thành niên, HĐXX xét thấy cần buộc chị V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh G theo mức chị V đã nhận là phù hợp.

Về tài sản: do chị V và anh G đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản gì chung và đều không đề nghị giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

Xử lý hôn giữa chị Trần Thị V với anh Phạm Hồng G.

Giao anh G nuôi dưỡng cả hai người con chung của vợ chồng là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 09/10/2008 và Phạm Thị Diệp C, sinh ngày 08/4/2010. Chị V chịu trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh G mỗi cháu 700.000đ/tháng (cả hai cháu là 1.400.000đ/tháng) tính từ tháng 8/2017 đến khi con chung thành niên . Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị V phải nộp 300.000đ và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng án phí chị V phải nộp là 600.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04230 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị V còn phải nộp tiếp tiền án phí còn thiếu là 300.000đ.

Kể từ ngày anh G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị V không nộp số tiền phải thanh toán nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

